

TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Một số cách tiếp cận về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng

Khái niệm rừng:

Rừng là nơi chứa đựng ít nhất 80% đa dạng sinh học của thế giới, góp phần tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm cho hơn 1,6 tỷ người trên thế giới. Trên thế giới, ngành công nghiệp rừng cung cấp việc làm chính thức và không chính thức cho khoảng 50 triệu người. Giá trị sản phẩm rừng được giao dịch trên toàn cầu đạt 270 tỷ đôla Mỹ. Trong số đó, rừng của các nước đang phát triển chiếm trên 20%.

Rừng là tài nguyên quý của đất nước, có khả năng tái tạo và có giá trị kinh tế quan trọng đối với mỗi quốc gia bởi nó gắn liền với đời sống của con người.

Điều 3 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 của nước ta đưa ra khái niệm về rừng: “là hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố trường khác, trong đó cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ che phủ của tán rừng từ trở lên. Rừng gồm rừng trồng và rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng”.

Như vậy, khái niệm rừng được quy định trong Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 mang tính liệt kê đầy đủ và đã đưa ra tiêu chí cụ thể để xác định các diện tích có cây cối được gọi là rừng, đó là: cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ che phủ của tán rừng từ 0,1 trở lên. Độ che phủ của tán rừng được xác định là mức độ che kín của tán cây rừng đối với đất rừng, được biểu thị bằng tỷ lệ phần mười giữa diện tích đất rừng bị tán cây rừng che bóng và diện tích đất rừng. Tuy nhiên, cách tiếp cận như trên chưa xác định được diện tích tối thiểu có rừng là bao nhiêu, cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ cao như thế nào.

Tuy nhiên, để phù hợp với điều kiện thực tế trong quá trình thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng hiện nay cần quy định tiêu chí xác định và phân loại rừng đã trong một diện tích được coi là rừng nếu đạt được cả ba tiêu chí sau:

Một là, rừng là một hệ sinh thái, trong đó thành phần chính là các loài cây lâu năm thân gỗ, cau dừa có chiều cao vút ngọn từ 5,0 m trở lên (trừ rừng mới trồng và một số loài cây rừng ngập mặn ven biển), tre, nứa,... có khả năng cung cấp gỗ, lâm sản ngoài gỗ và các giá trị trực tiếp và gián tiếp khác như bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và cảnh quan.

Rừng mới trồng các loài cây thân gỗ và rừng mới tái sinh sau khai thác rừng trồng có chiều cao trung bình trên 1,5m đối với loài cây sinh trưởng chậm, trên 3,0 m đối với loài cây sinh trưởng nhanh và mật độ từ 1.000 cây/ha trở lên được coi là rừng. Các hệ sinh thái nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có rải rác một số cây lâu năm là cây thân gỗ, tre, nứa, cau, dừa... không được coi là rừng.

Hai là, độ tán che của tán cây là thành phần chính của rừng phải từ 0,1 trở lên.

Ba là, diện tích liền khoảnh tối thiểu từ 0,5 ha trở lên, nếu là dải cây rừng phải có chiều rộng tối thiểu 20m và có từ ba hàng cây trở lên.

Theo Nghị định thư Kyoto năm 1997, thì định nghĩa về rừng được xác định theo các tiêu chí: diện tích tối thiểu là 0,05 - 1,00 ha; tỷ lệ che phủ tầng tán tối thiểu là 10 - 30%; chiều cao tiềm năng tối thiểu là 2 – 5m; rừng non có tiềm năng đáp ứng ba tiêu chí trên .

Với định nghĩa này, cách xác định các diện tích rừng trên thực tế sẽ dễ dàng và chính xác hơn. Tuy nhiên, cần cụ thể hóa các tiêu chí xác định rừng trong dự thảo Luật bảo vệ và phát triển rừng theo hướng tiếp cận gần giống với Nghị định thư Kyoto.

Trong khi đó, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO) lại đưa ra khái niệm “rừng” được sử dụng trong đánh giá tài nguyên rừng toàn cầu của FAO năm 2010 là diện tích đất đai rộng hơn 0,5 ha trở lên với các loại cây cao hơn 5m và độ che phủ của tán cây đạt hơn 10% hoặc có thể đạt đến ngưỡng này, FAO còn đưa ra các chú giải xác định rừng trồng chủ yếu được sử dụng cho mục đích lâm nghiệp, bảo vệ như các đồn điền cao su và gỗ sồi đứng, nứa cũng được coi là rừng.

Như vậy, khái niệm này đã bộc lộ nhiều điểm bất hợp lý, nhiều chuyên gia lâm nghiệp đã đưa ra ý kiến phản đối khái niệm rừng nêu trên của FAO, họ cho rằng “không chỉ các đồn điền cây độc canh không phải là rừng mà những đồn

điền đó còn dẫn đến hay đã dẫn đến phá hủy rừng bản địa của chúng ta và phá hủy những hệ sinh thái quý giá cân bằng khác mà chúng thay thế... Các chuyên gia lâm nghiệp cho rằng, các đồn điền cây độc canh gây ra tổn thất đa dạng sinh học, thay đổi chu trình nước, sản xuất lương thực giảm, thoái hóa đất, làm mất các nền văn hóa truyền thống và bản địa, cũng như giảm phong cảnh tự nhiên ở những khu vực du lịch.

Hiện nay, Việt Nam cũng không xác định đồn điền cao su là rừng. Tuy nhiên, nhiều diện tích rừng trồng độc canh của Việt Nam như keo, bạch đàn .v.v... cũng làm cho giá trị rừng bị giảm sút rất nhiều và nhiều diện tích đất bị thoái hóa.

Ngày nay, rừng chỉ còn chiếm chưa đầy một phần ba diện tích đất liền (tức là khoảng 4 tỷ ha) và đang thu hẹp lại rất nhanh trên toàn thế giới. Theo thống kê của Quỹ quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (WWF) thì hàng tuần có hơn 400.000 ha rừng bị phát quang hoặc bị suy thoái.

Dựa vào mục đích sử dụng, pháp luật Việt Nam phân chia rừng thành ba loại là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất.

“Rừng phòng hộ được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường...” (Khoản 1 Điều 4 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004). Hiện nay, rừng phòng hộ được phân loại theo mục đích phòng hộ và mức độ xung yếu:

Theo mục đích phòng hộ gồm có rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển và rừng phòng hộ bảo vệ môi trường nhằm điều hòa khí hậu, chống ô nhiễm ở khu đông dân cư, các đô thị và các khu công nghiệp, kết hợp phục vụ du lịch, nghỉ ngơi.

Theo mức độ xung yếu thì rừng phòng hộ được xác định vùng rất xung yếu, vùng xung yếu và vùng ít xung yếu.” *Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái rừng của quốc gia, nguồn gen sinh vật rừng; nghiên cứu khoa học; bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; phục vụ nghỉ ngơi, du lịch, kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ*

môi trường... ”¹. Tùy thuộc vào mức độ bảo tồn mà hệ thống rừng đặc dụng của Việt Nam được phân chia thành:

- Vườn quốc gia;
- Khu bảo tồn thiên nhiên;
- Khu bảo vệ cảnh quan;
- Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học.

Các loại rừng đặc dụng này cũng được xác định dựa vào các tiêu chí cụ thể.

Hiệp hội quốc tế bảo tồn thiên nhiên và nguồn tài nguyên thiên nhiên (IUCN) xác định rừng đặc dụng là “Khu bảo tồn thiên nhiên là một khu vực trên đất hoặc trên biển được khoanh vùng để bảo vệ đa dạng sinh học, các tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đi kèm, được quản lý bằng các công cụ pháp luật hoặc các hình thức quản lý có hiệu quả khác” và xây dựng một hệ thống phân loại các khu vực được bảo vệ gồm:

- Khu bảo hộ thiên nhiên nghiêm ngặt.
- Khu vực hoang dã là những khu vực rộng lớn mà mục đích chính là để nghiên cứu hoặc bảo vệ những vùng hoang dã lớn.
- Khu dự trữ thiên nhiên.
- Khu bảo vệ hoang dã.
- Vườn quốc gia là khu vực mà mục đích chính để bảo vệ hệ sinh thái và để nghỉ dưỡng.
- Khu bảo tồn thắng cảnh tự nhiên là khu vực lưu giữ những biểu hiện đặc biệt của thiên nhiên.
- Khu bảo tồn loài/Sinh cảnh.
- Khu bảo tồn cảnh quan đất liền/biển.
- Khu bảo tồn kết hợp sử dụng bền vững tài nguyên.

¹ Khoản 2 Điều 4 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004

Như vậy, rừng đặc dụng của Việt Nam được chia thành bốn loại với mục đích bảo vệ khác nhau, trong khi đó Liên minh Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) phân chia chi tiết thành bảy loại khác nhau để quản lý.

Rừng sản xuất được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh gỗ, lâm sản ngoài gỗ. Về phân loại rừng, Việt Nam phân chia thành ba loại: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Trong khi đó, Trung Quốc phân thành năm loại rừng khác nhau gồm rừng phòng hộ, rừng lấy gỗ, rừng phát triển kinh tế, rừng sản xuất nhiên liệu và rừng với chức năng đặc biệt như rừng quốc phòng, vườn quốc gia.

Như vậy, khái niệm rừng và cách phân loại rừng giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế cũng có sự khác biệt đáng kể. Tuy nhiên, nhìn chung tiêu chí phân loại rừng đều dựa vào mục đích sử dụng rừng để quản lý rừng nhằm mục đích đạt hiệu quả cao.

a) Khái niệm tài nguyên rừng:

Tài nguyên thiên nhiên là nguồn của cải vật chất nguyên khai được hình thành và tồn tại trong tự nhiên mà con người có thể sử dụng để đáp ứng các nhu cầu trong cuộc sống. Tài nguyên thiên nhiên từ rừng được hiểu như là nguồn vật chất hữu ích có sẵn trong tự nhiên để cung cấp cho nhu cầu kinh tế, xã hội của loài người và sinh vật.

Tài nguyên thiên nhiên được phân loại thành:

- Tài nguyên không tái tạo là nguồn tài nguyên khi khai thác và sử dụng sẽ bị cạn kiệt dần và không khôi phục lại trạng thái ban đầu như tài nguyên khoáng sản.

- Tài nguyên tái tạo là nguồn tài nguyên sau khi sử dụng có thể tái sinh và có thể ngày càng phong phú hơn nếu được sử dụng hợp lý, quản lý tốt như tài nguyên đất, rừng, biển và tài nguyên nông nghiệp.

Có thể hiểu, tài nguyên rừng là một loại tài nguyên thiên nhiên có khả năng tái tạo, là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có giá trị lớn bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng trên đất lâm nghiệp, gồm có thực vật rừng, động vật rừng và những yếu tố tự nhiên có quan đến rừng (gọi chung là quần xã sinh vật). Tài nguyên rừng có thể được chia thành các nhóm sau: (1) Tài nguyên gỗ; (2) Tài nguyên phi gỗ; (3) Tài nguyên đa dạng sinh học; (4) Tài nguyên đất;

(5) Tài nguyên nước. Ngoài ra, rừng còn cung cấp cho con người lượng oxy dồi dào, rừng điều hòa nước, chống xói mòn, giảm thiểu ô nhiễm, cân bằng khí cacbonic/oxy v.v...

Tuy rừng có vai trò vô cùng to lớn và có giá trị đối với cuộc sống nhưng chúng ta chưa xếp chúng vào loại tài nguyên nào, chưa đánh giá hết những vai trò của rừng. Việc bảo vệ rừng cần gắn liền với việc bảo vệ tài nguyên rừng.

- Về tài nguyên gỗ, từ trước đến nay, gỗ được con người đánh giá là nguồn tài nguyên cơ bản của hệ sinh thái rừng, nó cung cấp nguyên liệu cho các ngành xây dựng, công nghiệp giấy, sản xuất các đồ gỗ, các loại dụng cụ gia đình .v.v... Các cây gỗ còn một giá trị khác quan trọng hơn nữa là bảo vệ đất, chống xói mòn, điều hòa khí hậu và lưu lượng nước của các dòng chảy lục địa.

- Về tài nguyên phi gỗ, trước đây tài nguyên này thường gọi là lâm sản phụ nhưng ngày nay, thuật ngữ “lâm sản ngoài gỗ” được sử dụng để chỉ tất cả các loại tài nguyên rừng trừ tài nguyên gỗ. Lâm sản ngoài gỗ bao gồm những sản phẩm có nguồn gốc sinh vật, khác gỗ, được khai thác từ rừng như củi, than gỗ, cành ngọn, gốc cây, những dịch vụ trong rừng như săn bắn, giải trí, dưỡng bệnh, dịch vụ du lịch sinh thái v.v... Giá trị kinh tế do lâm sản ngoài gỗ đem lại hàng năm cho con người không thua kém so với gỗ.

- Về tài nguyên đa dạng sinh học, đa dạng sinh học có vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống con người và môi trường. Các loài sinh vật hoang dại là cơ sở và nguyên liệu để cải tiến và tạo ra các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng dịch bệnh v.v... Còn rất nhiều loài cây, loài con hoang dã đã, đang và sẽ cung cấp cho chúng ta nguồn thực phẩm to lớn, nguồn dược phẩm quý giá và nguồn gen vô cùng quan trọng trong việc chọn giống, không những chỉ cho con người hiện nay mà còn cho cả các thế hệ tương lai. Trước khi dịch AIDS bùng nổ, chúng ta không hề biết rằng cây hạt dẻ gai tại vịnh Moreton của Australia lại có thể cho chúng ta một loại chất thúc đẩy quá trình nghiên cứu phương pháp điều trị bệnh này. Hiện nay, có rất nhiều công ty dược phẩm lớn trên thế giới đã đặt hàng hoặc tài trợ cho các viện nghiên cứu đa dạng sinh học của các nước nhiệt đới để tìm hiểu, nghiên cứu và khai thác các loài cây thuốc và con thuốc quý trong rừng của những quốc gia giàu có về đa dạng sinh học này.

Như vậy, nếu không quản lý tốt nguồn tài nguyên này thì hàng trăm loài có những công dụng khác nhau có thể bị biến mất trước khi chúng ta nhận thức được tầm quan trọng của chúng.

- Ngoài ra, có ý kiến cho rằng, tài nguyên đất và nước trong rừng cũng là một loại tài nguyên rừng. Như chúng ta đã biết, đất và nước là những nguồn tài nguyên vô cùng quan trọng đối với con người. Rừng bảo vệ một diện tích đất đai rất lớn tránh khỏi sự xói mòn và bạc màu, rừng còn điều hòa các dòng chảy, giữ nước, hạn chế nước đổ ra biển, làm tăng lượng nước ngầm cho các vùng và làm lượng nước sạch được tái tạo nhanh hơn.

Với tầm quan trọng đó, Nhà nước ta xác định: đai, rừng núi, sông hồ, nguồn nước, tài nguyên trong lòng đất, nguồn lợi ở vùng biển, thềm lục địa và vùng trời, phần vốn và tài sản do Nhà nước đầu tư vào các xí nghiệp, công trình thuộc các ngành và lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học, kỹ thuật, ngoại giao, quốc phòng, an ninh cùng các tài sản khác mà pháp luật quy định là của Nhà nước, đều thuộc sở hữu toàn dân². Đến Hiến pháp năm 2013 đã một lần nữa được khẳng định trong Hiến pháp tại Điều 53 về quyền sở hữu và thống nhất quản lý đối với đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Việc thống nhất quản lý tài nguyên đất, trong đó có đất rừng cũng được xác định là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật. Nhà nước thực hiện thống nhất quản lý đối với tài nguyên rừng bằng việc ban hành pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo đảm cho pháp luật được thực thi.

Việc quy định tài nguyên rừng thuộc sở hữu toàn dân của Việt Nam có sự tương đồng với Trung Quốc và Liên bang Nga. Trung Quốc coi tài nguyên rừng do Nhà nước thống nhất quản lý và Nhà nước Trung Quốc đã thực thi rất thành công pháp luật lâm nghiệp trong nhiều thập niên vừa qua. Trong khi tình hình tài nguyên rừng thế giới tiếp tục bị giảm xuống thì diện tích rừng của Trung Quốc đều giữ đà tăng trưởng, được Cơ quan môi trường Liên hợp quốc xếp vào danh sách một trong 15 nước có diện tích rừng nhiều nhất thế giới .

² Điều 17 Hiến pháp năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001

Liên bang Nga có hướng đến tư nhân hóa việc khai thác tài nguyên rừng và pháp luật lâm nghiệp của Nga chú trọng phát triển ngành Lâm nghiệp thành một ngành công nghiệp khai thác, chế biến gỗ vì trữ lượng gỗ của Nga rất lớn.

Trong khi đó, Phần Lan được xem là quốc gia thực thi thành công nhất việc bảo vệ rừng và quản lý rừng bền vững lại quy định đất đai, rừng thuộc sở hữu tư nhân. Nhà nước chỉ quản lý những diện tích rừng, đất rừng có vai trò quan trọng đối với đa dạng sinh học, còn lại các diện tích rừng đều được giao cho tư nhân quản lý.

Như vậy, có thể thấy rằng, tài nguyên rừng là một loại tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, các nước trên thế giới đều rất coi trọng việc bảo vệ, phát triển và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên này.

b) Khái niệm quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng:

Tài nguyên rừng là tài nguyên thiên nhiên có khả năng tái tạo, phục hồi. Tùy theo mục đích quản lý và bảo vệ hay sử dụng mà tài nguyên rừng được phân loại khác nhau.

- Theo mục đích sử dụng, tài nguyên rừng được phân chia thành: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất.

- Theo trữ lượng, tài nguyên rừng được phân chia thành: rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo, rừng kiệt.

- Theo sự tác động của con người, tài nguyên rừng được chia thành: rừng tự nhiên và rừng trồng.

Theo Từ điển tiếng Việt thì quản lý là trông coi và giữ gìn; là tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định. Theo quan niệm chung thì quản lý là làm cho công việc của bộ phận được thực hiện thông qua hoạt động của người khác, còn bảo vệ là giữ gìn, che chở.

Như vậy, có thể hiểu một cách chung nhất về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng là tổng hợp các hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền nhằm sắp xếp, tổ chức để giữ gìn và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

Các chủ thể có thẩm quyền quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng gồm: Nhà nước và các chủ thể khác (các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước; các tổ

chức, cá nhân nước ngoài) được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Cụ thể:

- Nhà nước là chủ thể tối cao đối với hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng. Nhà nước thực hiện việc quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng bằng việc:

+ Ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên phạm vi cả nước và ở từng địa phương;

+ Tổ chức điều tra, xác định, phân định ranh giới các loại rừng trên bản đồ và trên thực địa đến đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

+ Thông kê rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất để phát triển rừng;

+ Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng;

+ Lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để phát triển rừng; tổ chức đăng ký, công nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, quyền sử dụng rừng;

+ Cấp, thu hồi các loại giấy phép theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

+ Tổ chức việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, quan hệ hợp tác quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng;

+ Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

+ Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

+ Giải quyết tranh chấp về rừng.

- Nhà nước thống nhất quản lý và định đoạt đối với rừng tự nhiên và rừng được phát triển bằng vốn của Nhà nước, rừng do Nhà nước nhận chuyển quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng từ các chủ rừng; động vật rừng sống tự nhiên, hoang dã; vi sinh vật rừng; cảnh quan, môi trường rừng bằng việc:

+ Quyết định mục đích sử dụng rừng thông qua việc phê duyệt, quyết định quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

+ Quy định về hạn mức giao rừng và thời hạn sử dụng rừng;

+ Quyết định giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng;

+ Định giá rừng.

- Nhà nước thực hiện điều tiết các nguồn lợi từ rừng thông qua các chính sách tài chính như:

+ Thu tiền sử dụng rừng, tiền thuê rừng;

+ Thu thuế chuyển quyền sử dụng rừng, chuyển quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng.

- Nhà nước trao quyền sử dụng rừng cho chủ rừng thông qua hình thức giao rừng; cho thuê rừng; công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng; quy định quyền và nghĩa vụ của chủ rừng³.

- Bộ máy nhà nước quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng gồm: Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, một số cơ quan khác và ủy ban nhân dân các cấp.

- Các chủ thể khác quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng gồm:

+ Chủ thể thực hiện nhiệm vụ công ích quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng được Nhà nước giao rừng gồm: Các Ban quản lý rừng đặc dụng; các Ban quản lý rừng phòng hộ; các đơn vị vũ trang nhân dân; các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đào tạo, dạy nghề về nông nghiệp.

+ Các tổ chức kinh tế, cá nhân, hộ gia đình trong nước được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng.

+ Người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng được Nhà nước giao hoặc cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng.

+ Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào trồng rừng được Nhà nước cho thuê rừng sản xuất là rừng trồng (Theo Điều 5 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004).

³ Điều 6 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004

Tùy vào mục đích quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng của Nhà nước mà Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng cho các chủ thể khác nhau để quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng và sử dụng các phương pháp khác nhau để quản lý.

2. Sự cần thiết của quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng

Tài nguyên rừng là nguồn tài nguyên thiên nhiên có khả năng tái tạo, phục hồi. Tuy nhiên, nếu hoạt động quản lý và bảo vệ nguồn tài nguyên này không được chú trọng thì nó sẽ bị khai thác cạn kiệt và mất khả năng phục hồi, gây nên tình trạng xói mòn, suy thoái đất đai, suy thoái nguồn nước, suy thoái đa dạng sinh học .v.v....

Trong thời đại ngày nay, với nhiều sức ép từ gia tăng dân số, sự phát triển kinh tế, biến đổi khí hậu thì vai trò của quản lý và bảo vệ đối với nguồn tài nguyên rừng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, không có các biện pháp quản lý, bảo vệ phù hợp thì nguồn tài nguyên rừng không thể tái tạo, phục hồi và phát huy giá trị đối với sự sống trên hành tinh của chúng ta. Quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng nhằm phát huy các giá trị to lớn của rừng như:

Thứ nhất, bảo đảm giá phòng hộ và cân bằng sinh thái của tài nguyên rừng.

Rừng có vai trò to lớn đối với môi trường sống trên trái đất, rừng ảnh hưởng đến nhiệt độ, độ ẩm không khí, thành phần khí quyển và có ý nghĩa điều hòa khí hậu. Rừng là vật cản trên đường di chuyển của gió và có ảnh hưởng đến tốc độ cũng như thay đổi hướng gió. Rừng không chỉ chắn gió mà còn làm sạch không khí và có ảnh hưởng đến vòng tuần hoàn trong tự nhiên. Trên thực tế, rừng được coi là nhà máy lọc bụi khổng lồ, góp phần làm giảm tiếng ồn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc cân bằng lượng ôxy và cacbonic trong khí quyển.

Nhờ thực thi chính sách quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng đúng đắn, trong những năm qua, diện tích rừng của Việt Nam đã tăng lên đáng kể. Nếu như năm 1990, diện tích rừng của Việt Nam chỉ là 9 triệu ha, độ che phủ chỉ đạt 27% diện tích lãnh thổ. Sau mười năm, diện tích rừng của Việt Nam đã tăng lên 11 triệu ha vào năm 1999 và năm 2010 đạt 13,4 triệu ha, đạt độ che phủ 39,5%.

Thứ hai, bảo đảm giá nhằm bảo tồn đa dạng sinh học:

Rừng là nguồn gen vô tận của con người, là nơi cư trú của hàng triệu loài động vật và vi sinh vật, rừng được xem là ngân hàng gen khổng lồ, lưu trữ các loại gen quý. Hệ sinh thái rừng đã được thiết lập ở trạng thái cân bằng, trong đó mỗi loài đều có vai trò không thể thiếu để duy trì hoạt động của toàn bộ hệ sinh thái. Do vậy, khi một loài bị suy giảm hoặc bị biến mất sẽ ảnh hưởng đến sự tồn tại của các loài khác, và cuối cùng gây hại đến hệ sinh thái toàn cầu. Mất rừng sẽ làm mất nhiều loại tài nguyên thiên nhiên, dẫn đến sự tuyệt chủng của nhiều loài sinh vật.

Thứ ba, bảo đảm giá trị kinh tế của tài nguyên rừng: Rừng là hệ sinh thái đa dạng và giàu có nhất trên cạn, đặc biệt là rừng ẩm nhiệt đới. Rừng là nguồn cung cấp nguyên vật liệu cần thiết cho con người như lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, dược liệu, du lịch, giải trí.v.v...



TTBD ĐBDC